

### 3.4- PHƯƠNG PHÁP TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT.

Tùy thuộc vào khả năng quy nạp chi phí vào các đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất, kế toán sẽ áp dụng phương pháp tập hợp chi phí sản xuất một cách phù hợp.

#### 3.4.1- Phương pháp tập hợp trực tiếp.

Phương pháp tập hợp trực tiếp áp dụng đối với các chi phí có liên quan trực tiếp đến đối tượng kế toán tập hợp chi phí đã xác định và công tác hạch toán, ghi chép ban đầu cho phép quy nạp trực tiếp các chi phí này vào từng đối tượng kế toán tập hợp chi phí có liên quan.

#### 3.4.2- Phương pháp phân bổ gián tiếp.

Phương pháp phân bổ gián tiếp được áp dụng khi một loại chi phí có liên quan đến nhiều đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất, không thể tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng được. Trường hợp này phải lựa chọn tiêu chuẩn hợp lý để tiến hành phân bổ chi phí cho các đối tượng liên quan theo công thức:

$$C_i = \frac{\sum C}{\sum_{i=1}^n T_i} \times T_i \quad (3.12)$$

Trong đó :

$C_i$  : Là chi phí sản xuất phân bổ cho đối tượng thứ  $i$ .

$\sum C$  : Tổng chi phí sản xuất đã tập hợp cần phân bổ.

$\sum_{i=1}^n T_i$  : Tổng đại lượng của tiêu chuẩn dùng để phân bổ.

$T_i$  : Đại lượng của tiêu chuẩn dùng để phân bổ của đối tượng  $i$ .

Đại lượng của tiêu chuẩn dùng để phân bổ (một số tác giả gọi là đơn vị công) được lựa chọn tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể. Độ tin cậy của thông tin về chi phí thuộc vào tính hợp lý của tiêu chuẩn phân bổ được lựa chọn.

### 3.5- KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT.

#### 3.5.1- Kế toán chi phí vật liệu trực tiếp.

Trong kế toán quản trị, tài khoản 621 "Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp" được mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất đã xác định.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp sử dụng để sản xuất sản phẩm phần lớn là chi phí trực tiếp nên được tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng liên quan căn cứ vào chứng từ xuất kho vật liệu và báo cáo sử dụng vật liệu ở từng phân xưởng (đội, trại, địa điểm) sản xuất.

Trường hợp cần phải phân bổ gián tiếp, tiêu chuẩn phân bổ thường sử dụng là :

- Đối với chi phí nguyên liệu, vật liệu chính, nửa thành phẩm mua ngoài có thể chọn tiêu chuẩn phân bổ là: Chi phí định mức, chi phí kế hoạch, khối lượng sản phẩm sản xuất...

Chương III - Kế toán quản trị chi phí và giá thành sản phẩm

---

- Đối với chi phí vật liệu phụ, nhiên liệu có thể chọn tiêu chuẩn phân bổ là: Chi phí định mức, chi phí kế hoạch, chi phí thực tế của nguyên liệu, vật liệu chính, khối lượng sản phẩm sản xuất...

Ví dụ :

Một doanh nghiệp sản xuất 2 loại sản phẩm A và B. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất đã xác định là quá trình sản xuất của từng loại sản phẩm. Doanh nghiệp kế toán tổng hợp hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Trong tháng có các tài liệu liên quan đến kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp như sau:

(1) Căn cứ số liệu tập hợp từ các phiếu xuất kho nguyên liệu, vật liệu chính, trị giá thực tế của nguyên vật liệu chính sử dụng trực tiếp sản xuất đã tập hợp trực tiếp là:

+ Cho sản phẩm A	: 33.350.000 đ.
+ Cho sản phẩm B	: <u>11.400.000 đ.</u>
Cộng	: 44.750.000 đ.

(2) Doanh nghiệp mua vật liệu phụ từ bên ngoài, giá mua theo hoá đơn (chưa có thuế giá trị gia tăng) là 8.800.000đ (chưa trả tiền người bán) đem vào sử dụng trực tiếp sản xuất hai loại sản phẩm, không qua nhập kho.

(3) Báo cáo sử dụng vật liệu của phân xưởng.

- Vật liệu chính sử dụng cho sản phẩm A còn thừa nhập lại kho là 500.000 đ.

- Bộ phận sản xuất sản phẩm B có thu hồi phế liệu nhập kho là 250.000đ

(4) Cuối tháng tính toán phân bổ và kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp theo mức thực tế.

Căn cứ số liệu trên, kế toán tập hợp chi phí và ghi sổ theo các định khoản sau đây:

(1)	Nợ TK 621	44.750.000
	Chi tiết SPA	33.350.000
	Chi tiết SPB	11.400.000
	Có TK 152	44.750.000

(2) Phân bổ chi phí vật liệu phụ cho từng loại sản phẩm theo mức chi phí nguyên vật liệu chính:

+ Xuất dùng cho sản phẩm A	33.350.000 đ
+ Trừ vật liệu thừa nhập kho	500.000 đ
+ Chi phí thực tế	32.850.000 đ
+ Xuất dùng cho sản phẩm B	11.400.000 đ
+ Trừ phế liệu thu hồi	250.000 đ
+ Chi phí thực tế	11.150.000 đ

Vật liệu phụ phân bổ gián tiếp theo chi phí nguyên vật liệu thực tế:

*Chương III - Kế toán quản trị chi phí và giá thành sản phẩm*

---

$$\text{Hệ số phân bổ} = \frac{8.800.000}{32.850.000 + 11.150.000} = 0,2$$

Phân bổ cho:

$$\text{Sản phẩm A} = 32.850.000 \times 0,2 = 6.570.000 \text{ đ}$$

$$\text{Sản phẩm B} = 11.150.000 \times 0,2 = \underline{2.230.000 \text{ đ}}$$

$$\text{Cộng} = 8.800.000 \text{ đ}$$

Kế toán ghi sổ theo định khoản:

Nợ TK 621                      8.800.000

Chi tiết SPA                    6.570.000

Chi tiết SPB                    2.230.000

Có TK 331    8.800.000

(3) Nợ TK 152                    750.000

Có TK 621    750.000

Chi tiết SPA                    500.000

Chi tiết SPB                    250.000

(4) Kết chuyển chi phí vật liệu trực tiếp cho các đối tượng:

Nợ TK 154                      52.800.000

Chi tiết SPA                    39.420.000

Chi tiết SPB                    13.380.000

Có TK 621    63.800.000

**3.5.2- Kế toán chi phí nhân công trực tiếp.**

Chi phí nhân công trực tiếp thường được tính trực tiếp vào từng đối tượng chịu chi phí liên quan. Trường hợp chi phí nhân công trực tiếp có liên quan đến nhiều đối tượng mà không hạch toán trực tiếp được (như tiền lương phụ, các khoản phụ cấp, hoặc tiền lương theo thời gian của công nhân sản xuất thực hiện nhiều công tác khác nhau trong ngày...) thì được tập hợp chung, sau đó chọn tiêu chuẩn thích hợp để tính toán phân bổ cho các đối tượng chịu chi phí có liên quan.

Tiêu chuẩn để phân bổ chi phí nhân công trực tiếp có thể là:

- Chi phí tiền công định mức (hoặc kế hoạch).
- Giờ công định mức.
- Giờ công thực tế.
- Khối lượng sản phẩm sản xuất....

Chương III - Kế toán quản trị chi phí và giá thành sản phẩm

---

Các khoản trích Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn được tính cho từng đối tượng căn cứ tỷ lệ trích quy định hiện hành và số chi phí tiền lương đã tập hợp (hoặc trực tiếp, hoặc phân bổ gián tiếp) của từng đối tượng.

Ví dụ : ở một doanh nghiệp sản xuất, trong tháng có sản xuất 2 loại sản phẩm A và B. Có các tài liệu liên quan đến chi phí nhân công trực tiếp như sau:

(1) Căn cứ số liệu tập hợp từ bảng thanh toán tiền lương của công nhân trực tiếp sản xuất, tiền lương và phụ cấp phải trả cho công nhân sản xuất sản phẩm A : 6.000.000 đ; cho công nhân sản xuất sản phẩm B : 3.800.000đ; tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất sản phẩm B là 2.000.000 đ.

(2) Doanh nghiệp thực hiện trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân theo kế hoạch hàng tháng, bằng 3% tiền lương phải trả.

(3) Trích BHXH 15%, BHYT 2% và kinh phí công đoàn 2% tính vào chi phí theo chế độ quy định.

(4) Cuối tháng tính toán kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp và phân bổ cho các đối tượng chịu chi phí.

Căn cứ số liệu trên, kế toán ghi sổ như sau:

(1)	Nợ TK 622	9.800.000
	(Chi tiết SPA	6.000.000
	Chi tiết SPB	3.800.000)
	Nợ TK 335	2.000.000
	Có TK 334	11.800.000

(2) Trích trước chi phí tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất theo kế hoạch:

Nợ TK 622	354.000	(= 11.800.000 x 3%)
(Chi tiết SPA	180.000	
Chi tiết SPB	174.000)	
Có TK 335	354.000	

(3) Trích BHXH, BHYT và kinh phí công đoàn (giả thiết đều tính theo tiền lương thực tế phải trả):

- BHXH	: 11.800.000 x 15%	= 1.770.000
- BHYT	: 11.800.000 x 2%	= 236.000
- KPCĐ	: 11.800.000 x 2%	= <u>236.000</u>
	Cộng	2.242.000

Trong đó :

+ SPA: 6.000.000 x 19%	= 1.140.000
+ SP B 5.800.000 x 19%	= <u>1.102.000</u>

*Chương III - Kế toán quản trị chi phí và giá thành sản phẩm*

---

Cộng      2.242.000

Kế toán ghi:

Nợ TK 622	2.242.000
(Chi tiết SPA	1.140.000
Chi tiết SPB	1.102.000)
Có TK 338	2.242.000

(4) Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp cho từng loại sản phẩm:

- Chi phí nhân công trực tiếp sản phẩm A:

+ Tiền lương trực tiếp	6.000.000 đ
+ Trích tiền lương nghỉ phép	180.000 đ
+ Trích các khoản theo lương	<u>1.140.000 đ</u>
	Cộng: 7.320.000 đ

- Chi phí nhân công trực tiếp sản phẩm B.

+ Tiền lương trực tiếp	3.800.000 đ
+ Trích tiền lương nghỉ phép	174.000 đ
+ Trích các khoản theo lương	<u>1.102.000 đ</u>
	Cộng: 5.076.000 đ

Nợ TK 154	12.396.000 đ
Chi tiết SPA	7.320.000 đ
Chi tiết SPB	5.076.000 đ
Có TK 622	12.396.000 đ

**3.5.3- Kế toán chi phí sản xuất chung.**

Trong kế toán quản trị, chi phí sản xuất chung được tập hợp theo từng địa điểm phát sinh chi phí (phân xưởng, đội, trại sản xuất...).

Trường hợp mỗi đơn vị, bộ phận sản xuất chỉ tiến hành sản xuất một loại sản phẩm, một loại công việc hay lao vụ nhất định, chi phí sản xuất chung của bộ phận, đơn vị đó là chi phí trực tiếp và được kết chuyển trực tiếp cho loại sản phẩm, công việc hoặc lao vụ đó.

Nếu có nhiều loại sản phẩm, công việc hoặc lao vụ, chi phí sản xuất chung của từng bộ phận, đơn vị được phân bổ cho các đối tượng liên quan theo tiêu chuẩn phân bổ nhất định. Cơ thể phân bổ theo tổng số chi phí sản xuất phát sinh, cũng có thể phân bổ theo từng bộ phận chi phí sản xuất chung đã tập hợp được trên các tài khoản cấp 2 của tài khoản 627 - Chi phí sản xuất chung.

Tiêu chuẩn sử dụng để phân bổ chi phí sản xuất chung có thể là:

- Chi phí nhân công trực tiếp.
- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

*Chương III - Kế toán quản trị chi phí và giá thành sản phẩm*

---

- Tổng chi phí sản xuất cơ bản (bao gồm chi phí nhân công trực tiếp và chi phí nguyên vật liệu trực tiếp).

- Dự toán (hoặc định mức, chi phí sản xuất chung).....

Trong một hệ thống tính giá thành linh hoạt hơn, chi phí sản xuất chung có thể được tính cho các đối tượng liên quan theo định mức, hay dự toán. Phần chênh lệch giữa mức thực tế và dự toán được xử lý cuối kỳ kế toán theo một phương pháp nhất định. (Vấn đề này sẽ được đề cập ở mục 3.7).

Ví dụ : Trong kỳ kế toán, ở một doanh nghiệp công nghiệp sản xuất 2 loại sản phẩm A và B đã tập hợp được chi phí sản xuất chung trên tài khoản 627 - Chi phí sản xuất chung như sau:

- Chi phí nhân viên, cán bộ quản lý (gồm cả tiền lương và các khoản trích theo lương) (TK 6271):	3.570.000 đ
- Chi phí vật liệu quản lý (TK 6272)	1.000.000 đ
- Chi phí công cụ, dụng cụ quản lý (TK 6273)	500.000 đ
- Chi phí khấu hao TSCĐ (TK 6274)	10.000.000 đ
- Chi phí điện, nước và dịch vụ mua ngoài (TK6277)	1.930.000 đ
- Chi phí khác bằng tiền	<u>1.594.000 đ</u>
	<b>Cộng: 18.594.000 đ</b>

Nếu phân bổ chi phí sản xuất chung cho sản phẩm A và B theo chi phí nhân công trực tiếp (xem mục 3.5.2) thì có kết quả sau:

$$\frac{\text{Hệ số phân bổ chi phí sản xuất chung}}{\text{sản xuất chung}} = \frac{18.594.000 \text{ đ}}{12.396.000 \text{ đ}} = 1,5$$

+ Mức phân bổ chi phí sản xuất chung:

- Cho sản phẩm A	7.320.000 đ x 1,5	= 10.980.000 đ
- Cho sản phẩm B	5.076.000 đ x 1,5	= 7.614.000 đ

Kế toán ghi :

Nợ TK 154	18.594.000
Chi tiết SPA	10.980.000
Chi tiết SPB	7.614.000

Có TK 627 18.594.000

**3.5.4- Kế toán tập hợp và phân bổ chi phí của các bộ phận sản xuất phụ trợ.**

Ngoài việc tiêu dùng các yếu tố sản xuất (lao động, đối tượng lao động, tư liệu lao động) được chuẩn bị, mua sắm từ bên ngoài, các bộ phận sản xuất chính của doanh nghiệp còn có thể sử dụng sản phẩm, công việc hoặc lao vụ của các bộ phận sản xuất phụ trợ cung cấp. Đồng thời, giữa các bộ phận sản xuất phụ trợ cũng có thể có quan hệ cung cấp, sử dụng sản phẩm, lao vụ lẫn nhau. Vì vậy, trước khi tính giá thành thực tế sản phẩm, lao vụ sản xuất phụ trợ để phân bổ cho các bộ

Chương III - Kế toán quản trị chi phí và giá thành sản phẩm

phần sản xuất chính, cần phải có phương pháp tính toán, phân bổ hợp lý phân chi phí giữa các bộ phận sản xuất phụ trợ.

Trong thực tế, có thể lựa chọn một trong các phương pháp sau:

**3.5.4.1- Phương pháp đại số:**

Bằng cách lập và giải phương trình đại số, trong đó ẩn số là giá thành thực tế đơn vị sản phẩm, lao vụ của từng phân xưởng, bộ phận sản xuất phụ trợ, sẽ tính được giá thành thực tế của từng bộ phận một cách chính xác về phương diện toán học.

Ví dụ : Một doanh nghiệp công nghiệp có 2 phân xưởng sản xuất phụ trợ là phân xưởng sửa chữa và phân xưởng vận tải. Chi phí sản xuất trong tháng tập hợp theo từng phân xưởng như sau (đơn vị : 1.000đ).

Khoản mục chi phí	PX sửa chữa	PX vận tải
1. Chi phí vật liệu trực tiếp	8.000	40.000
2. Chi phí nhân công trực tiếp	10.000	15.000
3. Chi phí sản xuất chung	2.000	8.600
<b>Cộng</b>	<b>20.000</b>	<b>63.600</b>

- Chi phí sản xuất dở dang của phân xưởng sửa chữa là:

+ Đầu kỳ : 5.400

+ Cuối kỳ : 2.000

- Kết quả sản xuất trong tháng:

+ Phân xưởng sửa chữa hoàn thành 5.000 giờ công sửa chữa, trong đó phục vụ cho PX vận tải 3.500 giờ, cho sửa chữa TSCĐ ở PX sản xuất chính số 01 là 1.500 giờ.

+ PX vận tải hoàn thành 4.000 tấn/km, trong đó phục vụ cho PX sửa chữa là 400 tấn/km, cho tiêu thụ sản phẩm là 3.000 tấn/km và cho bên ngoài là 600 tấn/km.

Giá thành thực tế đơn vị sản phẩm, lao vụ từng phân xưởng theo phương pháp đại số được xác định như sau:

Gọi X là giá thành thực tế 1 giờ công sửa chữa.

Gọi Y là giá thành thực tế 1 tấn/km vận chuyển.

Ta có hệ 2 phương trình:

$$5.000 X = 5.400 + 20.000 - 2.000 + 400Y$$

$$4.000 Y = 63.600 + 3.500 X$$

$$\rightarrow 46.500 X = 297.600 \rightarrow X = \frac{297.600}{46.500} = 6,4$$

Thay X = 6,4 vào ta tính được Y = 21,5.

Chương III - Kế toán quản trị chi phí và giá thành sản phẩm

Như vậy, giá thành thực tế 1 giờ công sửa chữa là 6.400 đồng và giá thành thực tế 1 tấn/km vận chuyển là 21.500 đồng.

Từ kết quả nói trên, chi phí của từng bộ phận sản xuất phụ trợ được tính toán phân bổ như sau:

\* PX sửa chữa:

- Phân bổ cho PX vận tải : 3.500 giờ công x 6.400 = 22.400.000 đ

- Phân bổ cho chi phí sản xuất chung của phân xưởng sản xuất chính số 01 : 1.500 giờ công x 6.400 = 9.600.000 đ.

\* PX vận tải:

- Phân bổ cho PX sửa chữa : 400 t/km x 21.500 đ = 8.600.000 đ.

- Phân bổ cho tiêu thụ (chi phí bán hàng) là :

3.000 t/km x 21.500 đ = 64.500.000 đ.

- Phân bổ cho bên ngoài (giá vốn hàng án)

600 tấn/km x 21.500 đ = 12.900.000 đ.

Phương pháp đại số đảm bảo tính chính xác, song tính toán phức tạp, đặc biệt khi có nhiều bộ phận sản xuất phụ trợ, do đó ít được áp dụng trong thực tiễn.

**3.5.4.2- Phương pháp phân bổ theo đơn giá chi phí ban đầu.**

Theo phương pháp này, căn cứ vào số chi phí ban đầu (không bao gồm chi phí nhận của đơn vị khác và chưa tính trừ phần chi phí phân bổ cho bộ phận khác) và khối lượng sản phẩm (lao vụ) hoàn thành của từng phân xưởng, bộ phận sản xuất phụ trợ để tính đơn giá chi phí ban đầu của một đơn vị sản phẩm (lao vụ), sản xuất phụ trợ. Sau đó dùng đơn giá chi phí ban đầu để phân bổ nội bộ trong các bộ phận sản xuất phụ, làm cơ sở tính giá thành thực tế để phân bổ sản phẩm (lao vụ) sản xuất phụ trợ cho các bộ phận khác trong doanh nghiệp.

Công thức tính toán như sau: (3.13)

$$\text{- Đơn giá chi phí ban đầu} = \frac{\text{Tổng chi phí ban đầu}}{\text{Khối lượng sản phẩm (lao vụ) hoàn thành}} \quad (3.14)$$

$$\begin{aligned} \text{- Tổng giá thành thực tế (từng bộ phận sản xuất phụ trợ)} &= \text{Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí ban đầu} + \text{Chi phí nhận của bộ phận SX phụ khác theo đơn giá ban đầu} - \text{Chi phí cung cấp cho bộ phận SX phụ khác theo đơn giá ban đầu} - \text{Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ} \end{aligned}$$

(3.15)

Chương III - Kế toán quản trị chi phí và giá thành sản phẩm

- Giá thành thực tế đơn vị sản phẩm (lao vụ) sản xuất phụ trợ	Tổng giá thành thực tế	
=	Khối lượng sản phẩm (lao vụ) hoàn thành	- Khối lượng sản phẩm (lao vụ) cung cấp cho bộ phận SX phụ trợ khác

Ví dụ : Cũng theo số liệu của ví dụ ở mục 3.5.4.1 (phương pháp đại số), kết quả tính toán như sau:

$$\text{- Đơn giá chi phí ban đầu 1 giờ công sửa chữa} = \frac{20.000}{5.000} = 4$$

$$\text{- Đơn giá chi phí ban đầu 1 tấn/km vận chuyển} = \frac{63.600}{4.000} = 15,9$$

$$\text{- Tổng giá thành thực tế lao vụ sửa chữa} = 5.400 + 20.000 + (400 \times 15,9) - (3.500 \times 4) - 2.000 = 15.760$$

$$\text{- Giá thành thực tế 1 giờ công sửa chữa} = \frac{15.760}{5.000 - 3.500} = \frac{15.760}{1.500} = 10,5$$

$$\text{- Tổng giá thành lao vụ vận chuyển} = 63.600 + (3.500 \times 4) - (400 \times 15,9) = 69.000$$

$$\text{- Giá thành đơn vị 1 tấn/km} = \frac{69.000}{4.000 - 400} = 19,16$$

Sau khi tính được giá thành thực tế 1 giờ công sửa chữa và 1 tấn/km sẽ dùng đơn giá này để phân bổ cho các đối tượng khác có sử dụng sản phẩm, lao vụ sản xuất phụ cung cấp.

Phương pháp phân bổ lao vụ giữa các bộ phận sản xuất phụ trợ theo chi phí sản xuất ban đầu có đơn giản hơn so với phương pháp đại số, nhưng kết quả cũng kém chính xác hơn.

**3.5.4.3- Phương pháp phân bổ theo giá thành đơn vị kế hoạch.**

Về thực chất, cách tính toán theo phương pháp này cũng tương tự phương pháp phân bổ theo đơn giá chi phí ban đầu, tuy nhiên kế toán sử dụng giá thành đơn vị kế hoạch của sản phẩm, lao vụ sản xuất phụ làm căn cứ phân bổ khối lượng sử dụng lẫn nhau giữa các bộ phận sản xuất phụ.

Chương III - Kế toán quản trị chi phí và giá thành sản phẩm

Ví dụ : Cũng lấy số liệu ở ví dụ trên và giả thiết giá thành đơn vị kế hoạch 1 giờ công sửa chữa là 4,5 và giá thành kế hoạch 1 tấn/km vận chuyển là 16, ta có kết quả tính toán sau:

$$\begin{aligned} \text{- Tổng giá thành thực tế} &= 5.400 + 20.000 + (400 \times 16) - (3.500 \times 4,5) - 2.000 \\ \text{lao vụ sửa chữa} &= 14.050. \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{- Giá thành thực tế 1 giờ công} &= \frac{14.050}{1.500} = 9,36 \\ \text{sửa chữa} & \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{- Tổng giá thành thực tế} &= 63.600 - 6.400 + 15.750 = 72.950 \\ \text{lao vụ vận chuyển} & \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{- Giá thành đơn vị 1 tấn/km} &= \frac{72.950}{3.600} = 20,26 \end{aligned}$$

Phương pháp phân bổ theo giá thành kế hoạch đơn giản nhất trong 3 phương pháp nhưng mức độ chính xác của giá thành thực tế phụ thuộc vào sự hợp lý của chỉ tiêu giá thành kế hoạch.

### 3.6- PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM DỒI DANG.

#### 3.6.1- Đánh giá SPLD cuối kỳ theo chi phí nguyên vật liệu chính trực tiếp hoặc chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Theo phương pháp này giá trị SPLD cuối kỳ chỉ tính phần chi phí nguyên vật liệu chính trực tiếp hoặc chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, còn các chi phí khác tính cả cho sản phẩm hoàn thành. Ngay cả phần chi phí nguyên vật liệu chính hay nguyên vật liệu trực tiếp cũng tùy thuộc vào đặc điểm tình hình, yêu cầu quản lý chi phí của từng doanh nghiệp mà có thể tính theo mức độ hoàn thành của SPLD. Tuy nhiên để đơn giản, giảm bớt khối lượng tính toán, mà vẫn có thể đảm bảo mức độ chính xác khá cao, người ta tính cho sản phẩm hoàn thành và SPLD phần chi phí nguyên vật liệu như nhau theo công thức sau:

$$\text{SPLD cuối kỳ} = \frac{\text{Chi phí đầu kỳ} + \text{Chi phí trong kỳ}}{\text{Sản phẩm hoàn thành} + \text{Sản phẩm làm dở}} \times \text{Sản phẩm làm dở}$$

Thí dụ : Một doanh nghiệp sản xuất SP A, có các tài liệu sau (đơn vị tính 1000đ).

SPLD đầu kỳ tính theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp : 10.000

Trong đó chi phí nguyên vật liệu chính trực tiếp : 8.000.

- CPSX trong kỳ tập hợp cho toàn doanh nghiệp gồm:

+ Nguyên vật liệu trực tiếp : 190.000

Trong đó nguyên vật liệu chính : 172.000

+ Nhân công trực tiếp : 14.400